

CÔNG TY TNHH KINH DOANH THỰC PHẨM CẦU VỒNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KINH DOANH THỰC PHẨM CẦU VỒNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: RAINBOW FOOD BUSINESS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110437096

3. Ngày thành lập: 03/08/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 18 phố Yên Hòa, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904549840

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4511
2.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ đầu giá)	4512
3.	Bán mô tô, xe máy (Trừ đầu giá)	4541
4.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (không bao gồm môi giới bất động sản, chứng khoán, bảo hiểm, xuất khẩu lao động, môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài); (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4610
5.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620
6.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
7.	Bán buôn thực phẩm	4632
8.	Bán buôn đồ uống (Trừ đồ uống có cồn)	4633
9.	Trồng lúa	0111
10.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
11.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
12.	Trồng cây mía	0114
13.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117

14.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
15.	Trồng cây hàng năm khác	0119
16.	Trồng cây ăn quả	0121
17.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
18.	Trồng cây điều	0123
19.	Trồng cây hồ tiêu	0124
20.	Trồng cây cà phê	0126
21.	Trồng cây chè	0127
22.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
23.	Trồng cây lâu năm khác	0129
24.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
25.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
26.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
27.	Chăn nuôi gia cầm	0146
28.	Chăn nuôi khác (trừ hoạt động nuôi bò sát và côn trùng)	0149
29.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
30.	Khai thác thủy sản biển	0311
31.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
32.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
33.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
34.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
35.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
36.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
37.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo trên không) (Không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
38.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
39.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ đầu giá)	4719
40.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
41.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722(Chính)
42.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
43.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724

44.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
45.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
46.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
47.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
48.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
49.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
50.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
51.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
52.	Sản xuất đường	1072
53.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
54.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
55.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
56.	Sản xuất chè	1076
57.	Sản xuất cà phê	1077
58.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
59.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
60.	Sản xuất rượu vang	1102
61.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
62.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
63.	In ấn (trừ loại Nhà nước cấm)	1811
64.	Dịch vụ liên quan đến in (trừ rập khuôn tem)	1812
65.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (trừ hoạt động của đấu giá viên, trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4789
66.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đấu giá) (Không bao gồm hoạt động đấu giá bán lẻ qua internet)	4791
67.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ đấu giá)	4799
68.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
69.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ hoạt động kinh doanh bất động sản)	5210
70.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
71.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
72.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621

73.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5630
74.	Xây dựng nhà để ở	4101
75.	Xây dựng nhà không để ở	4102

6. **Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

7. **Danh sách thành viên góp vốn:**

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	BÙI VĂN XUÂN	Việt Nam	Tổ dân phố Sậm, Thị Trấn Kép, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	500.000.000	50,000	024079011478	
2	NGUYỄN THỊ KIM PHƯƠNG	Việt Nam	Số 25b, Ngõ 61 Phố Yên Hòa, Tổ 19, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	500.000.000	50,000	001176046611	

8. **Người đại diện theo pháp luật:**

* Họ và tên: BÙI VĂN XUÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/12/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024079011478

Ngày cấp: 07/11/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố Sậm, Thị Trấn Kép, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ dân phố Sậm, Thị Trấn Kép, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

9. **Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội